

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2026.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trí Chấn.

2. Bà Nguyễn Thị Bé Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 405/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/01/2026. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1991 (vắng mặt); CCCD số: 083191001766.

Địa chỉ: Số E, ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1991, CMND số: 321376161 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Số E, ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Bà và ông Trần Văn H quen biết, tìm hiểu nhau trước nên tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện

C, tỉnh Bến Tre, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/4/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H thường hay nhậu nhẹt, không lo cho cuộc sống gia đình. Bà M đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H không sửa đổi. Ông bà đã ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay. Nay bà M nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn H. Cụ thể yêu cầu của bà M: Về quan hệ hôn nhân: Bà M yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn H. Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Trần Khánh T, sinh ngày 19/9/2013 và Trần Khánh T1, sinh ngày 01/6/2016; sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết M; về con chung: có 02 con chung là Trần Khánh T, sinh ngày 19/9/2013 và Trần Khánh T1, sinh ngày 01/6/2016 giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết M được trực tiếp nuôi, ghi nhận bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết; tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, theo bà M trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông H thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, mặc dù bà M đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H không sửa đổi; vợ

chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay. Bị đơn ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho thấy ông H không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà M. Hội đồng xét xử xét thấy: bà M và ông H là vợ chồng nhưng ông bà không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà ông bà lại bỏ mặc nhau, sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay; bà M và ông H đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà M và ông H có 02 con chung là Trần Khánh T (sinh ngày 19/9/2013) và Trần Khánh T1 (sinh ngày 01/6/2016). Xét thấy yêu cầu của bà M muốn trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với thực tế bà đang chăm sóc các con trong thời gian ly thân, bà M cũng có thu nhập ổn định bảo đảm điều kiện nuôi con. Ông H vắng mặt và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung của bà M. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên, cháu T và cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống chung với bà M. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý cho trẻ cũng như đảm bảo việc học hành, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M trình bày là không có, ông H vắng mặt và không có ý kiến phản đối đối với lời trình bày của bà M nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà M phải chịu do bà M yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết M. Bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Khánh T (sinh ngày 19/9/2013) và Trần Khánh T1 (sinh ngày 01/6/2016) cho bà Nguyễn Thị Tuyết M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày là không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008473 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên bà M không còn phải nộp thêm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng GD, KT, TT và THA
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 – Vĩnh Long;
- UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt